



HỢP ĐỒNG MẪU
HỢP ĐỒNG CUNG CẤP
DỊCH VỤ

Mã hiệu: HĐ/ICA-0.2
Số trang: Page 1 of 8
Ban hành/Sửa đổi: 00/02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ
CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG

Số: [Mã số thuế/QĐTL/CCCD]/ ICA

Các căn cứ:

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 và các văn bản hướng dẫn thi hành ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22/06/2023 thay thế Luật số 51/2005/QH11 từ ngày 01/07/2024;
- Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số
- Căn cứ Nghị định số 48/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 05 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;
- Thông tư số 17/2018/TT-BTC ngày 09 tháng 02 năm 2019 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 305/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số;
- Căn cứ Thông tư số 31/2020/TT-BTTTT ngày 30/10/2020 “Ban hành Quy chế chứng thực của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia”;
- Căn cứ giấy phép cung cấp dịch vụ Chứng thực chữ ký số công cộng số 600/GP-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 01/09/2021;
- Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;
- Căn cứ vào Phiếu đề nghị cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng I-CA của bên sử dụng dịch vụ.

Hôm nay, ngày tháng năm, tại Hà Nội chúng tôi gồm:

I. THÔNG TIN CÁC BÊN

BÊN A:
Địa chỉ ĐKKD:
Địa chỉ GD:
Đại diện: Ông (Bà) Chức vụ:
Mã số thuế:
Điện thoại:
Số tài khoản:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ICORP

Địa chỉ: Số 32/21 Phố Trương Công Giai, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Địa chỉ VPGD: Tầng 3 số 112 Phố Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Đại diện: Ông (Bà) **TRẦN VĂN TÙNG** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Mã số thuế: 0106870211

Điện thoại: 19000099

Số tài khoản: 19036187391011

Mở tại: TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt
- PGD Trần Thái Tông

Sau khi thỏa thuận, các bên thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng với các nội dung sau:

II. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**Điều 1. Phạm vi, giới hạn sử dụng**

1.1 Bên B đảm bảo cung cấp cho bên A dịch vụ chứng thư số:

☐ Dành cho doanh nghiệp☐ Dành cho cá nhân

1.2 Bên B đảm bảo cung cấp chứng thư số cho bên A với các đặc tính sau :

- Đảm bảo tính xác thực trong các giao dịch điện tử.
- Đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu của văn bản được ký bởi chữ ký xác thực hợp lệ.
- Là bằng chứng chống chối bỏ trách nhiệm trên nội dung đã ký.

1.3 Bên A nhận thức đầy đủ quyền và trách nhiệm khi thực hiện giao dịch sử dụng dịch vụ trên đây, đồng thời

chịu trách nhiệm bảo mật các yếu tố xác thực thuê bao.

1.4 Bên B sẽ bàn giao sản phẩm và dịch vụ cho Bên A sớm nhất (tối đa không quá 05 ngày) sau khi hai bên ký kết hợp đồng này.

Điều 2. Mức độ bảo mật và điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số

2.1. Hệ thống phân phối khóa cho thuê bao (Bên A) phải đảm bảo sự toàn vẹn và bảo mật của cặp khóa. Trong trường hợp phân phối khóa thông qua môi trường mạng máy tính thì hệ thống phân phối khóa phải sử dụng các giao thức bảo mật đảm bảo không lộ thông tin trên đường truyền.

2.2. Bên A có trách nhiệm lưu trữ và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực và bị tạm dừng.

2.3. Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khóa công khai ghi trên chứng thư số đó.

2.4. Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp.

2.5. Khóa bí mật chỉ thuộc sự kiểm soát của người ký tại thời điểm ký.

Điều 3. Cước phí dịch vụ và phương thức thanh toán

3.1. Giá thiết bị lưu trữ chứng thư số I-CA (I-CA Token) theo qui định tại thời điểm ký hợp đồng.

3.2. Chi phí thuê bao duy trì chứng thư số, dịch vụ hàng năm theo bản đăng ký tại thời điểm ký hợp đồng lần đầu và bảng giá gia hạn tại thời điểm gia hạn dịch vụ.

3.3. Bên A cam kết thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Bên B trong vòng 05 ngày ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng này.

3.4. Các khoản phí Bên A đã thanh toán cho Bên B sẽ không được hoàn trả trong trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Điều 4. Tạm dừng, thu hồi chứng thư số

4.1. Chứng thư số sẽ bị tạm dừng, thu hồi trong các trường hợp sau:

4.1.1. Khi Bên A yêu cầu bằng văn bản và được Bên B xác minh là chính xác.

- 4.1.2. Thu hồi, khóa Token vào bất cứ lúc nào bằng cách thông báo cho Bên A, khi Bên B có căn cứ khẳng định chứng thư số đã được cấp không tuân theo các quy định tại Điều 4, 5, 6 của hợp đồng này; hoặc khi Bên B phát hiện ra sai sót ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên B và người nhận.
- 4.1.3. Thu hồi chứng thư số khi thuê bao là cá nhân đã chết hoặc mất tích theo tuyên bố của tòa án hoặc thuê bao là tổ chức giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.
- 4.1.4. Khi có yêu cầu từ cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.
- 4.1.5. Khi Bên A không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng này.
- 4.1.6. Theo điều kiện tạm dừng, thu hồi chứng thư số đã được quy định trong Quy chế chứng thực chữ ký số I-CA. Khi I-CA phát hiện thiếu, thất thoát Hồ sơ hoặc không hoàn thiện hồ sơ nộp về I-CA.
- 4.1.7. Khi I-CA phát hiện thiếu, thất thoát Hồ sơ.
- 4.1.8. Khi thuê bao thay đổi thông tin, địa chỉ liên hệ mà không thông báo cho I-CA và I-CA nhiều lần liên lạc không được để bổ sung thông tin so với đăng ký ban đầu.
- 4.2. Khi có căn cứ tạm dừng, thu hồi chứng thư số, Bên B sẽ tiến hành tạm dừng, thu hồi và đồng thời ngay lập tức thông báo cho Bên A và công bố trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số việc tạm dừng, thu hồi thời gian bắt đầu và kết thúc việc tạm dừng.
- 4.3. Chứng thư số của Bên A sẽ được khôi phục lại khi các căn cứ của tạm dừng chứng thư số kết thúc, hoặc thời hạn tạm dừng theo yêu cầu của Bên A đã hết.
- 4.4. Các trường hợp khác theo quy định của Bên B và pháp luật.

Điều 5. Gia hạn sử dụng dịch vụ

- 5.1. Việc thông báo gia hạn được gửi qua bằng hình thức truyền tin hợp lệ cho Bên A trước khi hết hạn sử dụng dịch vụ.
- 5.2. Việc gia hạn phải được hoàn thành thủ tục 05 ngày trước khi hết hạn sử dụng dịch vụ.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**6.1. Quyền của bên A**

- 6.1.1. Bên A có quyền yêu cầu Bên B cung cấp những thông tin sau:
- a) Phạm vi, giới hạn sử dụng, mức độ bảo mật, phí cho việc cấp và sử dụng chứng thư số mà Bên A xin cấp.
 - b) Những yêu cầu để đảm bảo sự an toàn trong lưu trữ và sử dụng khóa bí mật.
 - c) Thủ tục khiếu nại và giải quyết tranh chấp.

6.1.2. Bên A có quyền yêu cầu Bên B tạm dừng, thu hồi lại chứng thư số đã cấp và tự chịu trách nhiệm về yêu cầu đó.

6.2. Nghĩa vụ trong lựa chọn chứng thư số, cung cấp thông tin và bảo mật

6.2.1. Bên A có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, chính xác các hồ sơ, giấy tờ và thông tin cần thiết theo yêu cầu của Bên B, gồm: Đơn đăng ký sử dụng dịch vụ chứng thư số I-CA, hợp đồng sử dụng dịch vụ I-CA, biên bản bàn giao và xác nhận...

6.2.2. Bên A có nghĩa vụ cung cấp thông tin, hồ sơ giấy tờ đầy đủ và trung thực cho Bên B, bao gồm: bản sao hợp lệ giấy phép ĐKKD (quyết định đầu tư/dăng ký mã số thuế), căn cước công dân, chứng minh thư (hộ chiếu) của người đại diện pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với hộ kinh doanh)

6.2.3. Đồng ý để Bên B công khai thông tin về chứng thư số của Bên A trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số của Bên B.

6.2.4. Bên A có trách nhiệm sử dụng chứng thư số chỉ cho các mục đích phù hợp với từng loại chứng thư số và theo quy định của pháp luật.

6.2.5. Bên A có nghĩa vụ cung cấp khóa bí mật và những thông tin cần thiết cho các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan an ninh để phục vụ việc đảm bảo an ninh quốc gia hoặc điều tra theo quy định của pháp luật.

6.3. Nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc tạo, sử dụng và quản lý khóa

6.3.1. Trực tiếp đến Bên B nhận Token/PIN hoặc đề nghị Bên B gửi đến địa chỉ mà Bên A chỉ định.

6.3.2. Chịu trách nhiệm quản lý Token và bảo mật PIN của thiết bị lưu CKS.

6.3.3. Lưu trữ và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của Bên A có hiệu lực và tạm dừng.

6.3.4. Thông báo trong thời gian 24 giờ cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của mình nếu phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của mình đã bị lộ, bị đánh cắp hoặc sử dụng trái phép để có các biện pháp xử lý.

6.3.5. Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại xảy ra nếu vi phạm quy định tại khoản 5.3.1 và khoản 5.3.2 của Điều này.

6.3.6. Trường hợp tự tạo cặp khóa cho mình, thuê bao phải đảm bảo thiết bị tạo cặp khóa sử dụng đúng quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng. Quy định này không áp dụng cho trường hợp thuê bao thuê thiết bị tạo cặp khóa của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

6.3.7. Các trách nhiệm khác theo quy định của Điều khoản, điều kiện hợp đồng và các quy định có liên quan của pháp luật.

6.4. Nghĩa vụ trong việc thay đổi, tạm dừng, khôi phục và thu hồi chứng thư số

6.4.1. Bên A phải có đơn xin thay đổi chứng thư số khi có nhu cầu.

6.4.2. Bên A phải có yêu cầu bằng văn bản tới Bên B trong trường hợp yêu cầu thay đổi, tạm dừng, khôi phục và thu hồi chứng thư số.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

7.1. Quyền của Bên B

7.1.1. Bên B được quyền thay đổi các quy trình nghiệp vụ theo quy định mới ban hành của cơ quan quản lý Nhà Nước có thẩm quyền.

7.1.2. Bên B được quyền yêu cầu Bên A bổ sung các thông tin, giấy tờ theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước tại thời điểm CTS của Bên A vẫn còn hiệu lực.

7.1.3. Được miễn trách nhiệm trong trường hợp hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin... bị trục trặc, hoặc vì bất cứ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của Bên B.

7.1.4. Bên B có quyền tạm dừng, thu hồi khi phát hiện tài liệu, thông tin hoặc hồ sơ do bên A cung cấp còn thiếu, không chính xác, không trung thực, sai sự thật.

7.2. Nghĩa vụ trong cấp chứng thư số

7.2.1. Hướng dẫn và công bố các văn bản trên Website cho tổ chức, cá nhân xin cấp chứng thư số trước khi ký hợp đồng cấp chứng thư số nhưng thông tin sau đây:

- Phạm vi, giới hạn sử dụng, mức độ bảo mật, phí cho việc cấp chứng thư số mà Bên A xin cấp và những thông tin khác có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên B;
- Thủ tục khiếu nại và giải quyết tranh chấp;
- Những nội dung khác.

7.2.2. Cấp chứng thư số phù hợp với:

- Quy chế chứng thực số I-CA (CP/CPS)
- Nghị định 130/2018/NĐ-CP của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và Nghị định số 48/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 05 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 130/2018/NĐ-CP.
- Khoản 1.2 điều 1 hợp đồng này.

7.2.3. Bên B không được t chối cấp chức thư số cho tổ chức, cá nhân xin cấp chứng thư số nếu không có lý do chính đáng.

7.2.4. Bảo hành thiết bị lưu trữ chứng thư số I-CA Token trong vòng 12 tháng.

7.2.5. Đảm bảo cung cấp cho Bên A dịch vụ chứng thực chữ ký số... (loại chứng thư số) sau khi kiểm tra thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số của thuê bao là chính xác.

7.2.6. Đảm bảo cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cho Bên A đáp ứng điều kiện an toàn cho chữ ký số theo Quy định tại Điều 9 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.

7.2.7. Tạo khóa và phân phối khóa cho thuê bao

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp chứng thư số có thể tự tạo cặp khóa hoặc yêu cầu bằng văn bản tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng tạo cặp khóa cho mình.
- Đảm bảo sử dụng các phương thức an toàn để chuyển giao khóa bí mật đến thuê bao và chỉ được lưu bản sao của khóa bí mật khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp chứng thư số có yêu cầu bằng văn bản.
- Đảm bảo an toàn trong suốt quá trình tạo và chuyển giao chứng thư số cho thuê bao.
- Sử dụng thiết bị, phần mềm theo đúng tiêu chuẩn quy định để khởi tạo và lưu trữ cặp khóa.

7.2.8. Đảm bảo việc sử dụng dịch vụ của thuê bao liên tục, không bị gián đoạn trong suốt thời gian hiệu lực của chứng thư số và việc kiểm tra trạng thái chứng thư số của thuê bao là liên tục.

7.2.9. Giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù xảy ra cho thuê bao và người nhận trong trường hợp lỗi được xác định của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

7.2.10. Đảm bảo an toàn thông tin riêng, thông tin cá nhân và thiết bị lưu trữ chứng thư số cho thuê bao theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin và pháp luật khác có liên quan.

7.3. Nghĩa vụ trong lưu trữ và sử dụng và công bố thông tin

7.3.1. Bên B có nghĩa vụ lưu trữ thông tin và thu thập từ Bên A một cách an toàn và chỉ được sử dụng thông tin này vào mục đích liên quan đến chứng thư số, trừ trường hợp thỏa thuận hoặc quy định của pháp luật khác.

7.3.2. Bên B được công bố chứng thư số đã cấp cho Bên A trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số của Bên B.

7.3.3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin trên chứng thư số của Bên A đúng như những thông tin của Bên A đã cung cấp khi đăng ký và ký hợp đồng.

7.3.4. Đảm bảo kênh thông tin đã tiếp nhận yêu cầu tạm dừng, thu hồi chứng thư số và những thông tin về: (1) Quy chế chứng thực và chứng thư số; (2) Danh sách chứng thư số có hiệu lực, bị tạm dừng,

bị thu hồi của thuê bao trên trang điện tử www.I-CA.com.vn hoạt động 24/24 và 07 ngày làm việc trong tuần.

7.3.5. Đảm bảo lưu trữ, tạm dừng, thu hồi chứng thư số của Bên A theo quy định của pháp luật.

7.3.6. Bên B có quyền cung cấp thông tin của Bên A cho cơ quan quản lý Nhà Nước phục vụ công tác đảm bảo an ninh thông tin, điều tra phòng chống tội phạm theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật về tổ tụng quy định.

7.3.7. Liên quan đến hoạt động quản lý khóa:

- Thông báo ngay cho thuê bao, đồng thời áp dụng những biện pháp ngăn chặn và khắc phục kịp thời trong trường hợp phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của thuê bao đã bị lộ, không còn toàn vẹn hoặc bất cứ sự sai sót nào khác có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của thuê bao;

- Khuyến cáo cho thuê bao việc thay đổi cặp khóa khi cần thiết nhằm đảm bảo tính tin cậy và an toàn cao nhất cho cặp khóa.

7.3.8. Trong trường hợp phải tạm dừng cấp chứng thư số mới:

Trong thời gian tạm dừng, Bên B có trách nhiệm duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến chứng thư số đã cấp.

7.3.9. Khi bị thu hồi giấy phép, Bên B phải thông báo ngay cho thuê bao về việc ngừng cung cấp dịch vụ của mình và thông tin về tổ chức tiếp nhận cơ sở dữ liệu của mình để đảm bảo quyền lợi sử dụng dịch vụ của thuê bao.

Điều 8. Thủ tục khiếu nại và giải quyết tranh chấp

8.1. Bên A có quyền khiếu nại tới Bên B về giá cước, chất lượng dịch vụ của Bên B. Bên B có trách nhiệm giải quyết khiếu nại của Bên A theo quy định của Bên B, Công ty Cổ phần ICORP, Bộ Thông tin và Truyền thông và tuân thủ quy định của pháp luật.

8.2. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này ưu tiên các bên giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp các bên không thể thương lượng, hòa giải được với nhau thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án, nơi Bên B đặt trụ sở giao dịch chính. Phán quyết của Tòa án là cuối cùng và các bên phải có nghĩa vụ thi hành. Mọi chi phí phát sinh bên thua kiện chịu.

Điều 9. Chấm dứt và thanh lý hợp đồng

9.1. Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

9.1.1. Hết thời hạn quy định tại Điều 8 dưới đây

9.1.2. Do Bên A trong khi sử dụng dịch vụ có hành vi vi phạm pháp luật, các thể lệ và quy định về khai thác dịch vụ; không thanh toán cước phí dịch vụ như quy định tại hợp đồng này.

9.1.3. Theo yêu cầu của một trong các bên và có sự đồng ý của các bên tham gia ký hợp đồng

9.2. Thanh lý hợp đồng

- Hợp đồng sẽ được tự động thanh lý khi chứng thư số của Bên A hết hạn mà Bên A không tiếp tục gia hạn chứng thư số, không tiếp tục thanh toán phí duy trì dịch vụ theo quy định và/hoặc các bên không xảy ra tranh chấp.

Điều 10. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng

10.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có thời hạn đến khi chứng thư số của Bên A hết hiệu lực sử dụng mà Bên A không tiếp tục gia hạn sử dụng chứng thư số.

10.2. Hợp đồng này tiếp tục có hiệu lực trong khoảng thời gian gia hạn chứng thư số tiếp theo của Bên A.

Điều 11. Chấp nhận tuân thủ Chính sách chứng thư và Quy chế chứng thực (CP/CPS)

Ngoài những điều khoản về quyền nghĩa vụ các bên đã quy định tại hợp đồng này, trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng còn chịu sự kiểm soát của Chính sách chứng thư và Quy chế chứng thực I-CA (CP/CPS) đã được Bộ Thông Tin và Truyền Thông phê duyệt.

Điều 12. Điều khoản chung

12.1. Các vấn đề yêu cầu phát sinh sẽ được các bên nghiên cứu, trao đổi, thống nhất và khi cần thiết sẽ ký các phụ lục bổ sung cho hợp đồng.

12.2. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này trước hết phải được các bên giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu không thể thương lượng, hòa giải được thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án. Mọi chi phí phát sinh bên thua kiện chịu.

12.3. Các bên cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định trong hợp đồng này trên tinh thần thiện chí, hợp tác, trung thực và cùng có lợi.

12.4. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có thời hạn đến khi chứng thư số cấp cho Bên A hết hiệu lực sử dụng. Nếu hết thời hạn mà các bên không có ý kiến gì thì hợp đồng này sẽ được gia hạn cho những năm tiếp theo.

12.5. Hợp đồng được làm thành hai (02) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

12.6. Hợp đồng được ký điện tử có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng giấy và được hai bên tự lưu trữ.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B





HỢP ĐỒNG MẪU
HỢP ĐỒNG CUNG CẤP
DỊCH VỤ

Mã hiệu: HD/ICA-0.2
Số trang: Page 8 of 8
Ban hành/Sửa đổi: 00/02